

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HSST
Ngày: 25/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương và bà Hoàng Thị Cát Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

- Lâm Phúc L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2006 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký HKTT: Khóm H, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 09/12.

Con ông Lâm Văn P, sinh năm: 1964 và bà Trần Thị Q, sinh năm: 1971.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2024, đến ngày 21/12/2024 hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Lê Công H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2006 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi đăng ký HKTT: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: tổ G, ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 06/12

Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1982 (chết) và bà Lê Thị Kim Đ1; sinh năm 1984.

Bị cáo chưa có vợ

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2024, đến ngày 21/12/2024 hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo L: Ông Lâm Văn P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khóm H, Thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L: Bà Nguyễn Thị Hoài T – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đ.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo H: Bà Lê Thị Kim Đ1, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo H: Bà Bùi Thị H1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đ.

- Bị hại: Công ty TNHH K; địa chỉ: Khu công nghiệp N – Giai đoạn 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người liên quan:

Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp E, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

(Các bị cáo; đại diện theo pháp luật của bị cáo L, ông P; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L, bà T; đại diện theo pháp luật của bị cáo H, bà Đ1; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo H, bà H1 có mặt. Bị hại; người liên quan bà D và bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07 tháng 12 năm 2024, tại Công ty TNHH K thuộc Khu công nghiệp C, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Lâm Phúc L1 và Lê Công H lén lút chiếm đoạt 05 bao túi PE mỗi 01 bao có 100 túi nilon bên trong với tổng khối lượng là 72,3 kg của Công ty TNHH K. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2024, Lâm P tiếp tục chiếm đoạt 05 bao túi PE mỗi 01 bao có 100 túi nilon thì bị phát phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 05 bao túi PE, kích thước 930mm x 930mm, mỗi 01 bao có 100 túi nilon bên trong; Số tiền 620.000 đồng của Lâm Phúc L và Lê Công H giao nộp; Số tiền 860.000 đồng do Hoàng Thị D giao nộp; Số tiền 4.730.000 đồng do gia đình L và H giao nộp để khắc phục hậu quả và 01 xe mô tô biển số: 94B1- 340.48.

Xử lý vật chứng: 05 bao túi PE, kích thước 930mm x 930mm, mỗi 01 bao có 100 túi nilon bên trong là những tài sản hợp pháp của Công ty TNHH K, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 620.000 đồng của Lâm Phúc L và Lê Công H giao nộp; 860.000 đồng do Hoàng Thị D giao nộp; 4.730.000 đồng do gia đình L và H giao nộp để khắc phục hậu quả đã trả lại cho Công ty TNHH K.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 94B1- 340.48 do chưa xác minh được nguồn gốc nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện N thì 500 cái túi PE, kích thước 930mm x 930 mm, trị giá 6.210.000 đồng và 500 cái túi PE, kích thước 930mm x 930 mm, trị giá 6.210.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.420.000 đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lâm Phúc L và Lê Công H để điều tra.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Lâm Phúc L, Lê Công H đều là công nhân bộ phận khu lốt GB5, xưởng 3 Công ty TNHH K thuộc Khu công nghiệp C N. L bàn bạc với H lấy trộm bao túi PE của Công ty bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Vào lúc 01 giờ 30 phút ngày 07 tháng 12 năm 2024, L và H lợi dụng việc làm ca đêm, quan sát khu lốt GB5 thì thấy không có người trông coi nên cả 02 đến khu vực gầm cầu thang, bộ phận kho lấy trộm 05 bao túi PE, kích thước 930mm x 930mm, loại bao nilon nhựa để dưới gầm cầu thang. Sau đó, L đi lấy xe nâng tay ở khu lốt GB5, còn H vác 05 bao túi PE lên xe nâng tay và cả 2 kéo tài sản vừa trộm cắp được ra hàng rào Công ty giáp với đường số 8. Đến 08 giờ 00 phút cùng ngày, L và H tan ca ra về, L liền điều khiển xe mô tô biển số: 94B1- 340.48 chở H ngồi phía sau đến vị trí cất giấu 05 bao túi PE và chở đến tiệm phế liệu của Hoàng Thị D tại ấp E, xã L, huyện N bán 05 bao với tổng 72,3kg được số tiền là 720.000 đồng, L và H tiêu xài hết 100.000 đồng, số tiền còn lại H cất giữ.

Đến 01 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2024, L tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là túi PE của Công ty bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L liền lấy trộm 05 bao túi PE tại gầm cầu thang khu lốt GB5, bộ phận kho xưởng 3 của Công ty. Sau đó, L dùng xe nâng tay kéo tài sản ra hàng rào Công ty và ném ra đường số H, đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày L chở H đi về phòng trọ tại ấp B, xã L, huyện N rồi L điều khiển xe mô tô biển số: 94B1-340.48 đến chỗ cất các bao túi PE và vác các túi PE đem cất giấu gần hàng rào Công ty TNHH Y. Đến ngày 12 tháng 12 năm 2024, Công ty TNHH K phát hiện bị mất một số tài sản nên báo Đồn công an khu công nghiệp. Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, L và H đến Đồn Công an Khu công nghiệp N để đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố các bị cáo Lâm Phúc L, Lê Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lâm Phúc L từ 08 tháng đến 10 tháng tù treo

Xử phạt bị cáo Lê Công H từ 06 tháng đến 08 tháng tù treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH K đã nhận lại tài sản bị mất trộm và tiền bồi thường, Công ty TNHH K không yêu cầu gì thêm.

- Đại diện cho bị cáo L, ông Lâm Văn P thống nhất trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lâm Phúc L về tội “Trộm cắp tài sản” và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo L, bà T trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015. Khi phạm tội bị cáo L dưới 18 tuổi, trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và **cho bị cáo được hưởng án treo.**

- Đại diện cho bị cáo H, bà Lê Thị Kim Đ1 thống nhất trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Công H về tội “Trộm cắp tài sản” và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo H, bà H1 trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015. Khi phạm tội bị cáo L dưới 18 tuổi, trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và **cho bị cáo được hưởng án treo.**

- Các bị cáo **Lâm Phúc L, Lê Công H** không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có lời khai trong hồ sơ nên căn cứ Điều 292 xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra trước tòa, cho thấy các bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 07 tháng 12 năm 2024 tại Công ty TNHH K thuộc Khu công nghiệp C, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, **Lâm Phúc L, Lê Công H** đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 05 bao túi PE, kích thước 930mm x 930mm, mỗi 01 bao có 100 túi nilon bên trong, trị giá 6.210.000 đồng của Công ty TNHH K, sau đó chở đến tiệm phế liệu của Hoàng Thị D thuộc ấp

E, xã L, huyện N bán được số tiền là 720.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2024, Lâm Phúc L lại tiếp tục thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 05 bao túi PE, kích thước 930mm x 930mm, mỗi 01 bao có 100 túi nilon bên trong, trị giá 6.210.000 đồng của Công ty TNHH K đem cất giấu gần hàng rào Công ty TNHH Y thì bị phát hiện nên Lâm Phúc L và Lê Công H đến Đồn Công an Khu công nghiệp N để đầu thú.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của các bị cáo Lâm Phúc L và Lê Công H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Hoàng Thị D có hành vi tiêu thụ tài sản do Lâm Phúc L và Lê Công H trộm cắp mà có nhưng D không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty TNHH K được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bản thân các bị cáo hiểu rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì xem thường pháp luật các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể, tuy nhiên các bị cáo đã tích cực tham gia trộm cắp tài sản và thực hiện hành vi phạm tội ngang bằng nhau nên cần có hình phạt phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ của các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Công H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Lâm Phúc L thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lâm Phúc L và Lê Công H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tư đầu thú là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Mặt khác: Xét các bị cáo Lâm Phúc L và Lê Công H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; thật sự ăn năn hối cải và có khả năng tự cải tạo mình; khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Ngoài ra, các lần bị cáo Lâm Phúc L phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Hoàng Thị D đã giao nộp số tiền 860.000 đồng để bồi thường cho Công ty TNHH K, Bà D không yêu cầu các bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của đại diện hợp pháp cho bị cáo L và đại diện hợp pháp cho bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo L và người bào chữa cho bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65; Điều 90; điều 91; Điều 98; Điều 101; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Phúc L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Lâm Phúc L** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Lâm Phúc L** cho Ủy ban nhân dân thị trấn R, **huyện N, tỉnh Cà Mau** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân thị trấn R có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

2. Áp dụng: Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; điều 91; Điều 98; Điều 101; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo **Lê Công H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Công H** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Lê Công H** cho Ủy ban nhân dân xã P, **huyện N, tỉnh Đồng Nai** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã P có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Lâm Phúc L và Lê Công H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Trung